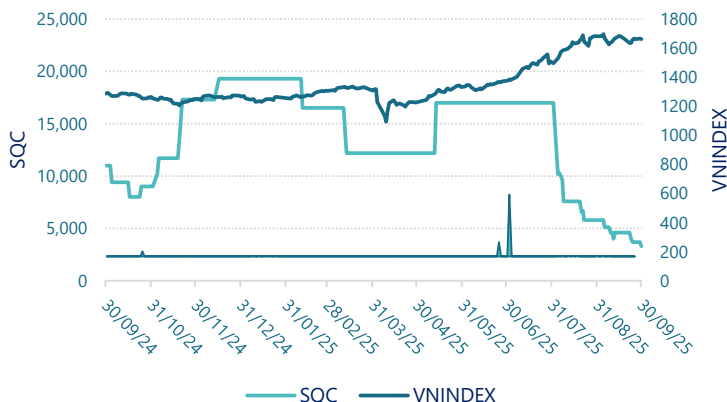




CTCP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (UPCOM: SQC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	107,299,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,252
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	354
P/E	-4.5
EPS	-726

DT thuần

Q3/25

0.48

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.01 | 1.8%

LN sau thuế

Q3/25

-0.32

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.8 | 99.2%

YoY: ▼ 0.20 | -164%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

14.3%

+/- YoY: ▲ 39.4%

DT thuần

9T 2025

1.44

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.09 | 6.0%

LN sau thuế

9T 2025

-39.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.80 | -2.1%

ROE

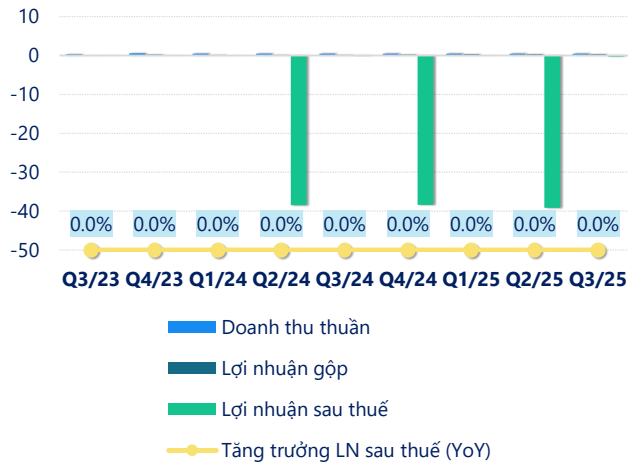
Q3/25

-13.0%

+/- YoY: ▼ 7.3%

tỷ VNĐ

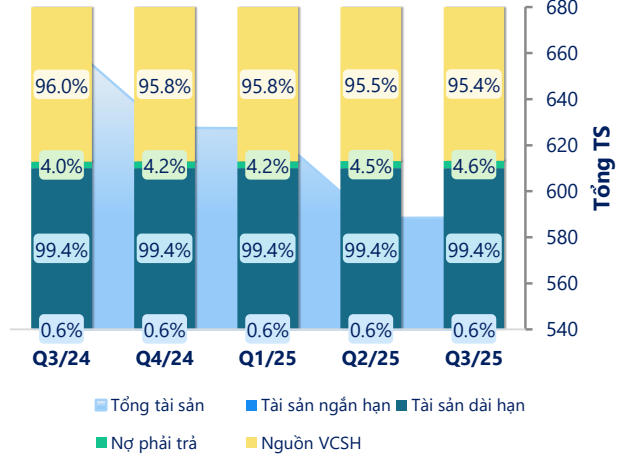
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

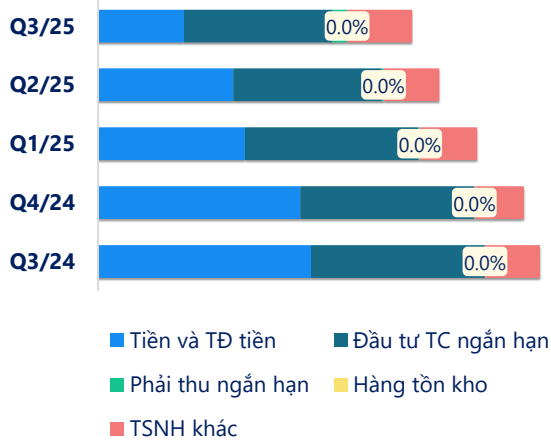
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



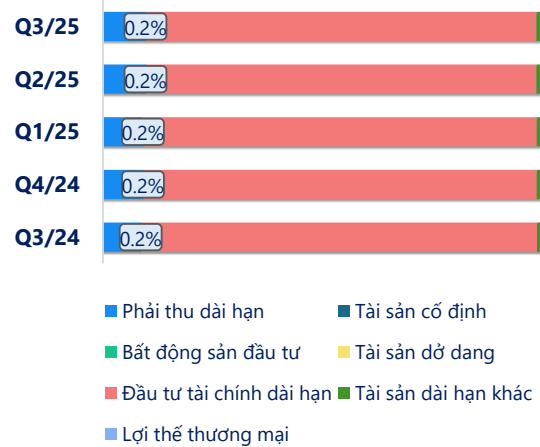
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

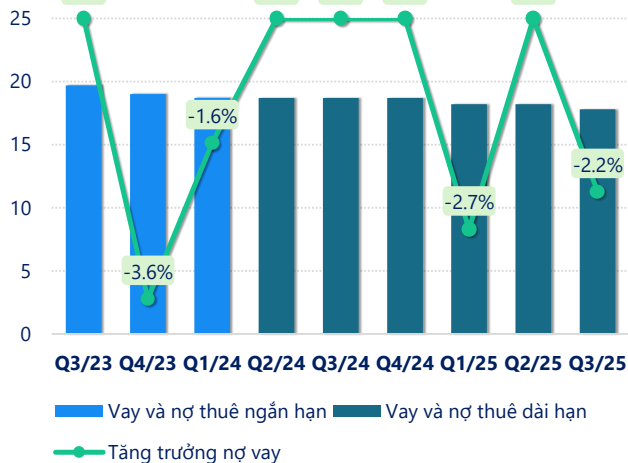
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

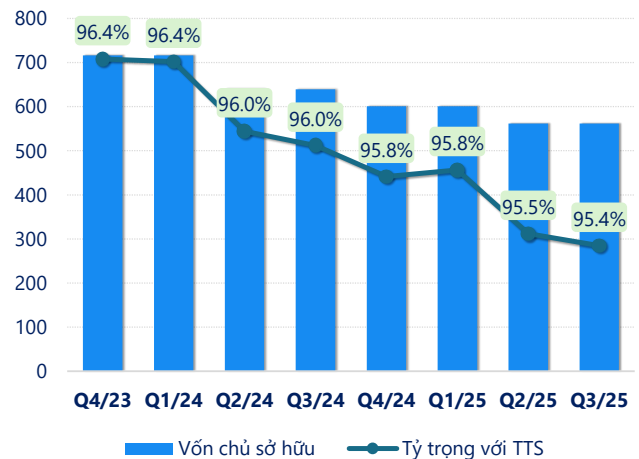
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

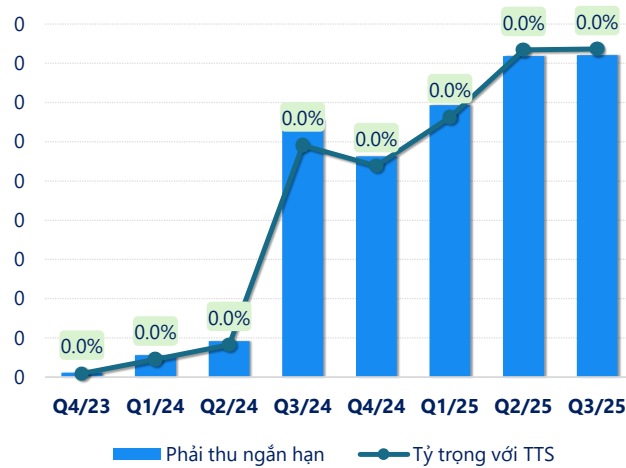
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



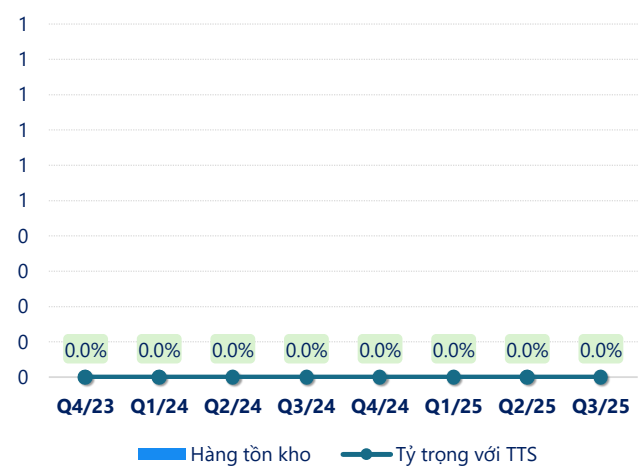
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


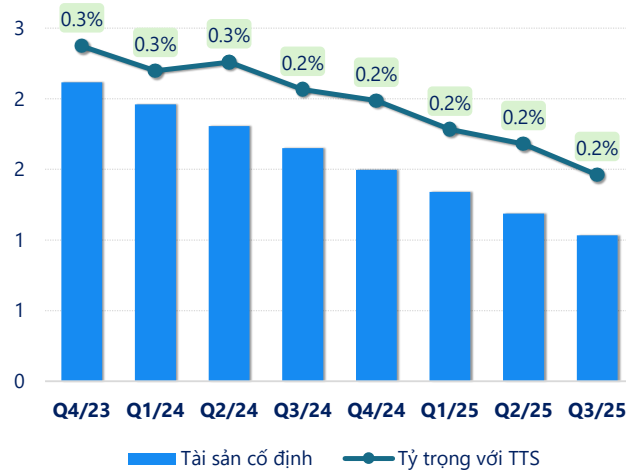
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


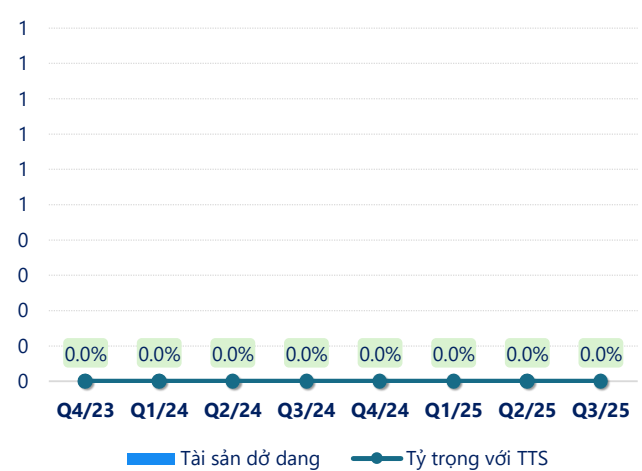
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

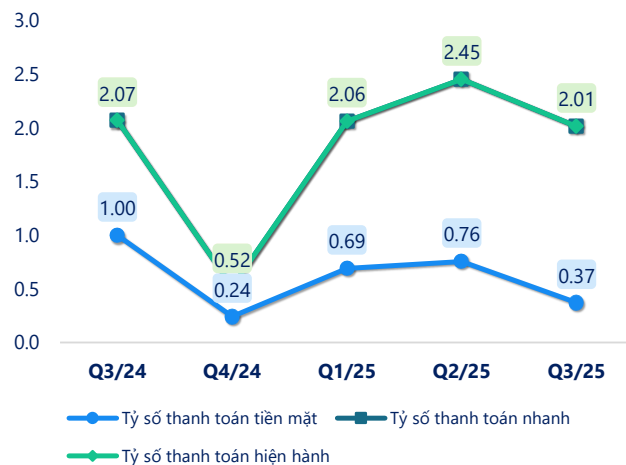
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

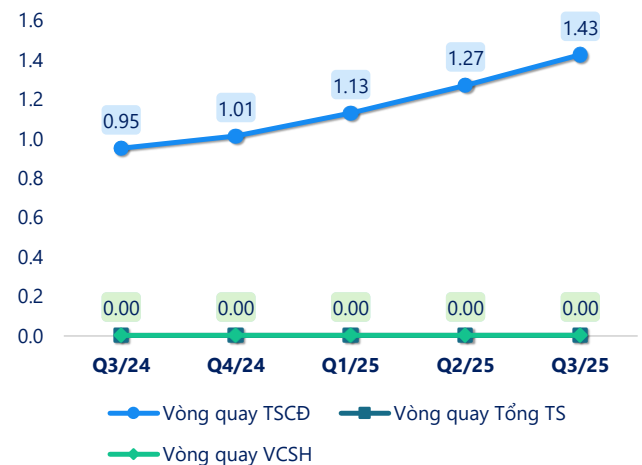
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	666	628	627	588	589
Tài sản ngắn hạn	3.87	3.58	3.62	3.40	3.61
Tiền và tương đương tiền	1.87	1.67	1.21	1.05	0.67
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.30	1.30	1.70	1.70	2.30
Phải thu ngắn hạn	0.13	0.11	0.14	0.16	0.16
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.57	0.50	0.57	0.49	0.48
Tài sản dài hạn	663	624	624	585	585
Phải thu dài hạn	55.9	55.9	55.9	55.9	55.9
Tài sản cố định	1.65	1.50	1.34	1.19	1.03
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	595	557	557	519	519
Tài sản dài hạn khác	9.72	9.57	9.47	9.37	9.35
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	27.0	26.4	26.2	26.5	26.8
Nợ ngắn hạn	1.87	6.89	1.75	1.39	1.79
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.86	0.86	0.79	0.79	0.83
Nợ dài hạn	25.1	19.5	24.4	25.1	25.0
Vay và nợ thuê dài hạn	18.7	18.7	18.2	18.2	17.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	639	601	601	562	562
Vốn chủ sở hữu	639	601	601	562	562
Vốn điều lệ	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)